



INCOMFISH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

A 77/I Đường số 7 KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: 848. 7653145 Fax: 848. 7653136 E.mail: incomfish@incomfish.com Website: www.incomfish.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2007

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.1 Tổng quan về Công ty

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**
- ❖ Tên tiếng Anh : **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt : **INCOMFISH**
- ❖ Trụ sở chính : Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- ❖ Điện thoại : (848) 7.653.145
- ❖ Fax : (848) 7.652.162 – (848) 7.653.136
- ❖ E-mail : incomfish@incomfish.com
- ❖ Website : www.incomfish.com
- ❖ Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/3/2000, thay đổi lần 2 ngày 04/12/2000, thay đổi lần 3 ngày 08/12/2000, thay đổi lần 4 ngày 15/3/2001, thay đổi lần 5 ngày 18/6/2001, thay đổi lần 6 ngày 13/6/2002, thay đổi lần 7 ngày 31/7/2002, thay đổi lần 8 ngày 07/4/2004, thay đổi lần 9 ngày 03/8/2004, thay đổi lần 10 ngày 17/12/2004, thay đổi lần 11 ngày 16/01/2006, thay đổi lần 12 ngày 02/11/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 29/6/2007 và lần thứ 14 ngày 16/10/2007.
- ❖ Tài khoản : 007.100.1099541 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, CN Tp. Hồ Chí Minh
- ❖ Mã số thuế : 0 3 0 1 8 0 5 6 9 6
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép**
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
 - Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá – tôm giống,

chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo nghề;
- Các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm.

I.2 Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức niêm yết

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (INCOMFISH) được thành lập 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy sản đông lạnh.

Là Công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Tp. Hồ Chí Minh.

Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng có giá trị gia tăng là 6.500 tấn/năm đã đi vào sản xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay.

Nhà máy Incomfish được đầu tư để chế biến thủy sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm, được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ.

Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng xuyên suốt quá trình sản xuất để đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như: HACCP, BRC (Brittish Retail Consortium), ISO 9001:2000, IFS (Intrenational Food Standard), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardships Council), ...

Ngoài đội ngũ quản lý chất lượng được đào tạo chuyên nghiệp, Incomfish còn quy tụ được đội ngũ nhà quản lý gồm những người quản trị Công ty đã kinh qua lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, có hơn 25 năm kinh nghiệm trên thương trường quốc tế.

Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng trực tiếp vào siêu thị Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, ... đã tạo cho Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực.

Incomfish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với các code: DL 189, DL 368, NM 188 và HK 187. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp thực phẩm cho cộng đồng Hồi giáo trên toàn thế giới thông qua giấy chứng nhận Halal do tổ chức Hồi giáo quốc tế cấp.

Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI).

Vào ngày 29/11/2006, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên ngày 18/12/2006 và sau đúng một năm giao dịch tại Hà nội, Công ty đã chuyển vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HoSE.

I.3 Định hướng phát triển

Với phương châm “Chất lượng hôm nay - Thị trường ngày mai” Incomfish đã định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững, Công ty đã không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Để không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường, Công ty đã có kế hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp, hợp tác đầu tư xây mới Nhà máy đông lạnh ở tỉnh Đồng Tháp trong chương trình hợp tác kinh tế, xã hội giai đoạn từ năm 2007 - 2010 giữa Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Tháp. Dự án đang trong quá trình xây dựng và dự kiến Nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong tháng 10/2008, góp phần đáp ứng nhu cầu rất lớn ngày càng tăng của người tiêu dùng trên toàn thế giới hiện tại và trong tương lai.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2006, tổ chức ngày 20/4/2007 và Đại hội bất thường ngày 10/8/2007 nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thành lập Công ty Incomfish khu vực Hoa Kỳ và Bắc Mỹ (đặt tại Hoa Kỳ) và khu vực Châu Âu (đặt tại Bỉ) để chế biến, đóng gói, phân phối các sản phẩm của Công ty tại hai thị trường lớn nhất thế giới hiện nay. Công ty Incomfish EU đã đi vào hoạt động từ cuối năm 2007, Cty Incomfish US đã có Giấy phép hoạt động của nước sở tại và đã bước đầu triển khai các thủ tục cần thiết liên quan để chính thức đi vào hoạt động trong tháng 10/2008.

Ngoài ra, với chiến lược phát triển về trung và dài hạn, Công ty cũng đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, thương mại với việc góp vốn vào các dự án như Linh Xuân đang lập Báo cáo khả thi và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Saga để xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại số 32 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Đây là một vị trí mang tính chiến lược tọa lạc tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đã được triển khai và dự kiến khởi công vào tháng 8/2008.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2007 là thời điểm mang tính chất quan trọng trong quá trình phát triển của Công ty - năm có bước nhảy vọt về thị trường xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng.

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị Công ty đã luôn hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty, giúp Tổng giám đốc kịp thời đưa ra những quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Kết quả năm 2007 đã đem lại hiệu quả rất khả quan: Lợi nhuận sau thuế đạt 21,145 tỷ VNĐ, tăng 188% so với năm 2006. Điều này đã tạo điều kiện cho Hội đồng Quản trị Công ty mạnh dạn tiếp tục đầu tư chiều sâu thiết bị để sản xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng nhằm không ngừng tăng thêm lợi nhuận.

Sau Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất vào tháng 8/2007, với sự tư vấn của Công ty Chứng khoán Đông Á, Hội đồng Quản trị đã triển khai chuyển sàn giao dịch chứng khoán từ Hà nội vào Tp. Hồ Chí Minh và thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 18/12/2007 sau đúng một năm giao dịch tại Hà nội.

Thông qua các mục tiêu chiến lược cho năm 2008, cụ thể là các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, các dự án hợp tác góp vốn, mở rộng thị trường nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường; định hướng chiến lược dài hạn cho Công ty, bằng cách mở rộng nhiều lĩnh vực hoạt động, nhanh chóng nắm bắt thời cơ khi điều kiện cho phép nhằm đa dạng hóa ngành nghề. HĐQT quyết định trình ĐHCĐ tiếp tục triển khai các dự án đã được thông qua như sau:

- Dự án Nhà máy đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp: Công ty sẽ góp 66.240.000.000 VNĐ để xây dựng nhà máy đông lạnh với công suất 150 tấn thành phẩm đông lạnh/ngày. Hiện nay dự án đã triển khai đến giai đoạn xây dựng nhà xưởng, dự kiến nhà máy sẽ hoạt động vào tháng 10/2008 và sẽ đem lại lợi nhuận khoảng 30 % trên vốn sở hữu cho Công ty.

- Dự án góp vốn thành lập Công ty Incomfish tại Hoa kỳ và Châu Âu với vốn đầu tư dự kiến khoảng 1.800.000 USD tương đương 29,16 tỷ đồng (đã thành lập). Dự án này tạo điều kiện cho Công ty mở rộng thị trường và trong năm 2008 sản lượng dự kiến sẽ tăng thêm 30% so với năm 2007.
- Đầu tư máy móc thiết bị tại nhà máy Incomfish: dây chuyền chế biến sản phẩm bao bột tự động và một số thiết bị khác với tổng vốn đầu tư từ 16 - 20 tỷ đồng.
- Dự án Các Nhà máy chế biến tại phía Bắc: Công ty sẽ góp từ 5 - 10 tỷ đồng vốn điều lệ vào các Công ty Cổ phần Thủy sản phía Bắc để tạo nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến. Dự án đi vào hoạt động trong năm 2008 và lợi nhuận dự kiến khoảng 20% trên vốn góp của Công ty.
- Điều chỉnh bổ sung 120 tỷ đồng vốn lưu động cho Công ty trong tài khóa 2008 để phục vụ cho kế hoạch phát triển thị trường và doanh số.

- Dự án xây dựng Cao ốc văn phòng tại 32 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh: Công ty đã góp 42.600.000.000 VNĐ vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Saga để đầu tư các dự án, trong đó có dự án 32 Mạc Đĩnh Chi, dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào đầu tháng 8/2008 và lợi nhuận dự kiến 30%.

Đồng thời Hội đồng Quản trị cũng đã đưa ra các dự án tiềm năng hiệu quả cao và sẽ thực hiện trong tài khoá này:

- Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Thạnh, tỉnh Đồng Tháp: Công ty Incomfish sẽ huy động 250 tỷ đồng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp với quy mô trên 100 ha, dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động năm 2009 và lợi nhuận đem lại khoảng 30% trên vốn góp của Công ty.
- Dự án bất động sản tại Phường Linh Xuân, Q.Thủ Đức, TP. HCM: Công ty dự kiến sẽ góp 48 tỷ đồng vốn với các cá nhân và pháp nhân khác để đầu tư dự án xây dựng, khai thác khách sạn 3 sao và trung tâm thương mại và lợi nhuận đem lại khoảng 30% trên vốn góp của Công ty.
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị cũng đã Đồng ý tạm dừng các Dự án đã được thông qua trước đây gồm Dự án xây dựng nhà máy chế biến cá Đại dương đông lạnh tại Tp. HCM, Dự án Nhà máy chế biến cá đông lạnh và đóng hộp tại tỉnh Phú Yên, Các dự án bất động sản khác tại TP. HCM

KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH:

Theo Nghị quyết của Đại hội bất thường lần thứ nhất đã thông qua ngày 10/8/2007 với 100% tỷ lệ biểu quyết đồng ý, toàn thể đại hội đã nhất trí thông qua Phương án phát hành như sau:

- Phát hành 1.180.000 cổ phần tương đương 11,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần, cổ đông sở hữu 10 cổ phần vào ngày chốt danh sách sẽ được mua 01 cổ phần.
- Phát hành 590.000 cổ phần tương đương 5,9 tỷ đồng mệnh giá với giá dự kiến từ 25.000 đồng/cổ phần. Cho CBCNV có thời gian công tác tối thiểu 12 tháng làm việc căn cứ theo Hợp đồng lao động và theo danh sách được HĐQT phê duyệt.
- Phát hành 1.180.000 cổ phần tương đương 11,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông chiến lược với giá từ 30.000 đồng/cổ phần, ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn.
- Phát hành 7.080.000 cổ phần tương đương 70,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông hiện hữu với giá từ 25.000 đồng/cổ phần.
- Phát hành 14.970.000 cổ phần tương đương 149,7 tỷ đồng mệnh giá và số cổ phần còn lại sau khi phân phối không hết cho các đối tượng trên, được bán đấu giá công khai hoặc theo thỏa thuận với giá khởi điểm 50.000 đồng/ cổ phần.

Sau đó, HĐQT đã đề ra tiêu chí lựa chọn cổ đông chiến lược gồm:

- Có kinh nghiệm trong việc nghiên cứu sản phẩm mới, do Công ty chú trọng vào sản phẩm giá trị gia tăng nên rất cần những sản phẩm mới nhằm tăng tính hấp dẫn cho sản phẩm của Công ty và nâng cao doanh thu lợi nhuận. Hoặc/và,
- Có kinh nghiệm trong việc quản lý dự án xây dựng, dự án bất động sản. Hiện nay công ty có một số dự án bất động sản có thể triển khai nên rất cần cổ đông chiến lược có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Hoặc/và,
- Có kinh nghiệm trong việc thiết lập hệ thống bán lẻ. Công ty có chủ trương gia tăng thị phần nội địa nhưng gặp khó khăn trong kênh phân phối nên chưa triển khai được. Một phần do Ban Giám đốc chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thiết lập mạng lưới bán lẻ trong nước do đó cần các cổ đông có nhiều kinh nghiệm về việc tìm kiếm cũng như thiết lập được hệ thống phân phối. HĐQT cũng cố gắng mời những cổ đông chiến lược về làm tại công ty với chức danh Giám đốc phát triển thị trường nội địa. Hoặc/và
- Có tiềm lực tài chính và quản trị để có thể hỗ trợ công ty khi cần thiết.

Cùng với việc lập hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán ra công chúng, theo ủy quyền của Đại hội cổ đông bất thường ngày 10/08/2007, HĐQT đã thực hiện chào bán cho một số cổ đông chiến lược đáp ứng các điều kiện, các tiêu chí như trên theo phương thức chào bán riêng lẻ với giá 30.000 đồng/cổ phiếu. Và cho đến thời điểm này đã có 09 cổ đông chiến lược nộp tiền mua với tổng khối lượng là 1.007.000 cổ phần, tổng số tiền sẽ thu được là 30.210.000.000 đồng (đến nay đã thu được 30.200.000.000 đồng), đạt 85,33% kế hoạch phát hành cho cổ đông chiến lược. HĐQT xin ý kiến của ĐHCĐ về việc phát hành riêng lẻ này kéo dài cho đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2008 để thu đủ số tiền tương ứng theo tổng số lượng cổ phần các cổ đông chiến lược đã đăng ký mua và ngừng phát hành số cổ phần còn lại (173.000 cổ phần) để công ty lập báo cáo kết quả phát hành riêng lẻ gửi UBCKNN và thực hiện việc niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã bán được đúng thời gian như đã thỏa thuận (cấp sổ trong vòng 120 ngày kể từ ngày đóng tiền và niêm yết trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp sổ).

Hiện nay, hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng đã được hoàn chỉnh nhưng do điều kiện thị trường không thuận lợi nên HĐQT đã tạm hoãn lại và nay xin ý kiến ĐHCĐ về việc ngừng phát hành số cổ phần còn lại (23.993.000 cổ phần) HĐQT sẽ thực hiện việc điều chỉnh phương án phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế trình ĐHCĐ trong kỳ họp tới.

Hiện nay, các Dự án có hiệu quả và thật sự cần thiết để mở rộng thị trường và phát triển mặt hàng có giá trị gia tăng là dự án đầu tư Dây chuyền cá tẩm bột chiên, Cty Incomfish EU và Incomfish US, Cụm Công nghiệp Tân Thạnh 109ha, Dự án Linh Xuân, Công ty cần nguồn vốn khoảng 500 tỷ để đầu tư cho các dự án này.

Nguồn vốn tài trợ cho các dự án này dự kiến sẽ huy động từ việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, phần còn lại sẽ vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn phương án huy động vốn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

III.1 Báo cáo tình hình tài chính

Phân tích tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2006
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	21,39%	28,85%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	59,39%	51,39%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	56,88%	52,19%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	43,12%	47,81%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.13	0.05
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.76	1.92
3. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	6,29%	4,34%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	6,48%	3,97%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)	17,92%	9,08%

Cổ phiếu, cổ tức:

Tổng số cổ phiếu thường	11.800.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.800.000 cổ phiếu
Cổ tức 2007	Dự kiến 1.400 đồng/CP

PHƯƠNG ÁN CHIA CỔ TỨC

Căn cứ theo Điều lệ, phương án chia cổ tức như sau:

+ 40% trích lập các quỹ,
+ 60% sẽ được phân chia cho các Cổ đông, tương ứng là 1.075 đồng/CP ($1.792 \times 60\% = 1.075$ đồng)

Tuy nhiên, trong tình hình thực tế hiện nay, Hội đồng Quản trị đề nghị chia Cổ tức năm 2007 là 1.400 đồng/CP (tương đương 78,12%) bằng tiền mặt.

Đề nghị Đại hội cho ý kiến biểu quyết để thực thi.

III.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007

Công tác điều hành quản lý

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2006 đã được Đại hội thông qua.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007 đã được HĐQT thông qua.

Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007, với bước đầu gặp khó khăn nhiều hơn thuận lợi và phải đối đầu với thị trường quốc tế có nhiều biến động bất lợi, rào cản phi kỹ thuật, ... mà cả ngành thủy sản Việt Nam không thể lường hết trước được, nhưng Công ty đã nỗ lực, phấn đấu không ngừng và nhạy bén vận dụng các biện pháp thích ứng kịp thời để dần dần đi vào ổn định và phát triển bền vững.

Đối với các Cán bộ, nhân viên quản lý, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và trong nước do VASEP và các trung tâm đào tạo tổ chức. Thường xuyên cập nhật thông tin, nâng cao năng lực quản lý, xử lý kịp thời những tình huống của thị trường luôn biến động.

Công ty cũng đã có kế hoạch tăng cường thiết bị chế biến và đóng gói nhằm tăng năng suất lao động cho Công nhân, tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu vượt kế hoạch của Công ty đề ra.

Đã tổ chức thi tay nghề cho trên 200 Công nhân, qua đó hầu hết Công nhân đã được nâng bậc tạo động lực cho Công nhân yên tâm, ổn định làm việc.

Thường xuyên tham gia các Hội chợ Thủy sản Quốc tế được tổ chức hàng năm tại Boston ở Mỹ, Brussell ở Bỉ, Dubai, ... nhằm quảng bá sản phẩm của mình và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

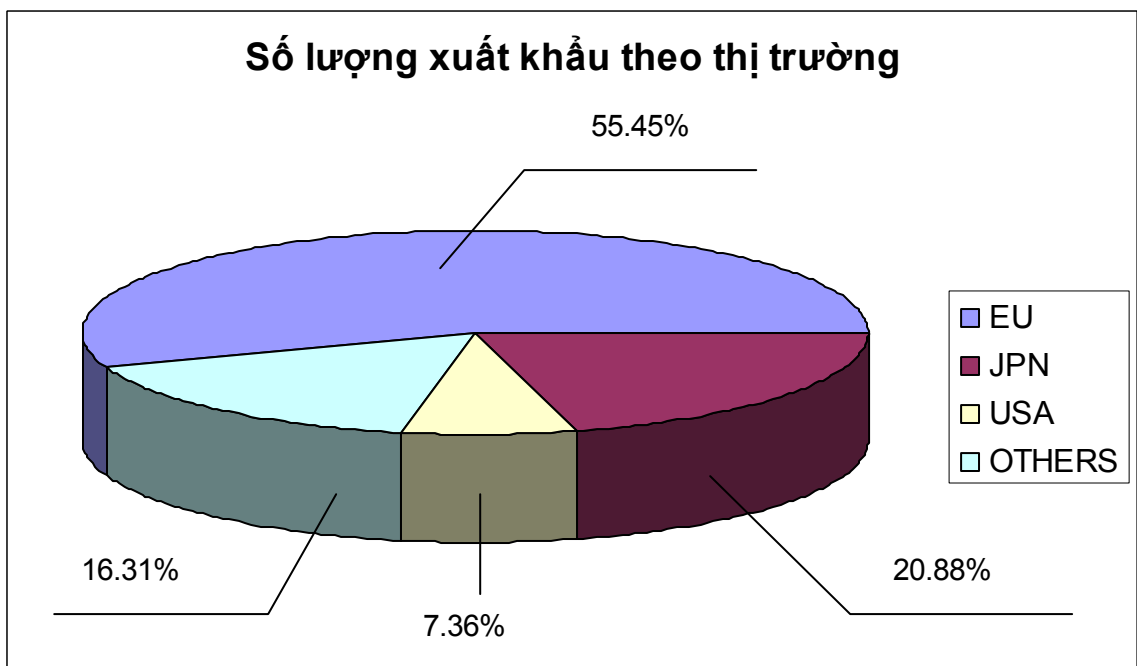
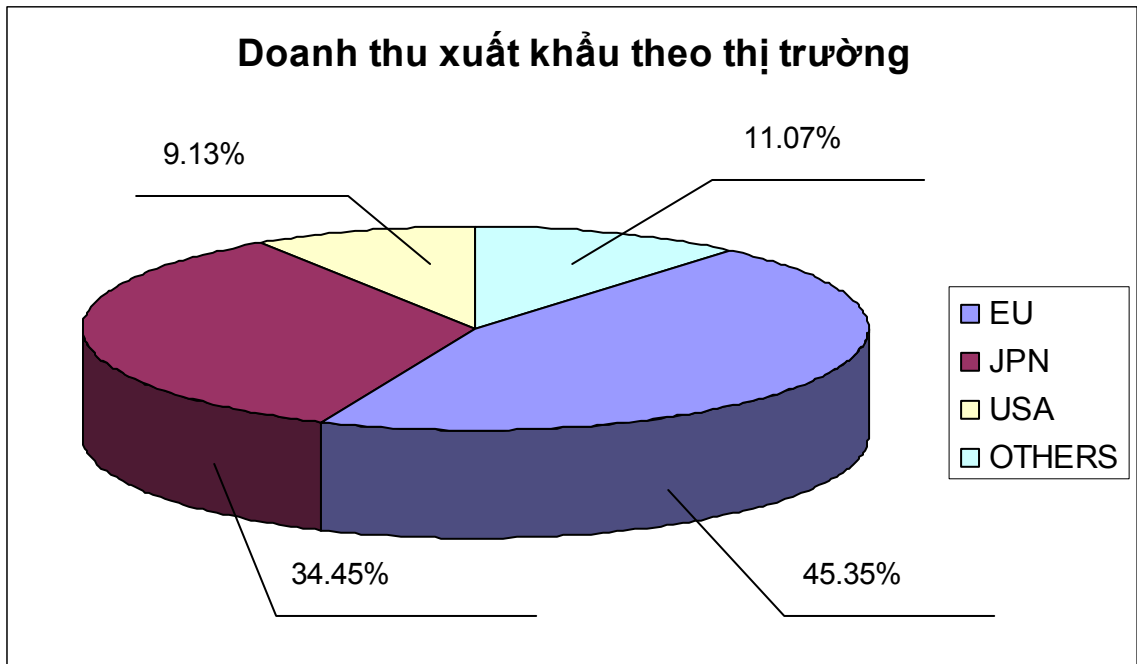
Qua những nỗ lực và đoàn kết quyết tâm của toàn thể CB-CNV nhằm thực hiện được những mục tiêu đã nêu ở trên, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2006	% so với năm 2006
1/ Tổng số lao động	776 người	880 người	88,18
<i>Trong đó</i>			
<i>Trực tiếp sản xuất</i>	674 người	768 người	84,76
<i>Gián tiếp sản xuất</i>	102 người	112 người	91,07
2/ Lương bình quân (VNĐ/người/tháng)	1,823 triệu	1,45 triệu	125,72
3/ Tổng doanh thu (VNĐ)	326,127 tỷ	283,388 tỷ	115,08
4/ Sản lượng xuất khẩu	3,883 tấn	3,400 tấn	114,20
5/ Tổng tài sản (VNĐ)	336,245 tỷ	259,062 tỷ	129,79
6/ Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	21,145 tỷ	11,246 tỷ	188,02
7/ Lợi nhuận sau thuế	21,145 tỷ	11,246 tỷ	188,02

8/ Vốn chủ sở hữu	118 tỷ	118 tỷ	100,00
9/ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	6,48%	3,97%	163,22
10/ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	17,92%	9,08%	197,35

Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2007

Công ty vẫn duy trì ổn định 2 thị trường truyền thống là Châu Âu và Nhật Bản. Tỷ lệ % ngoại tệ và sản lượng xuất khẩu theo từng thị trường như sau:



Quản lý chất lượng

Với phương châm hoạt động: Chất lượng là sự sống còn của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm; luôn luôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm cho bất cứ khách hàng, thị trường khó tính nào.

Duy trì điều kiện và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và Nhật Bản. Đảm bảo kết quả kiểm tra định kỳ của Nafiqaved đạt loại A. Nay là NAFIQAD – Cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Phòng kiểm nghiệm của Công ty luôn hoạt động hiệu quả, chính xác, kịp thời để Công ty chủ động kiểm soát từ nguyên liệu đến thành phẩm trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy để nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, sai lỗi trong quy trình sản xuất.

Hoạt động tài chính

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách về thuế.

Đảm bảo kịp thời nguồn vốn kinh doanh, giảm một phần vốn vay lưu động so với các năm trước.

Giảm được 46,89% (từ 11,066 tỷ năm 2006 xuống còn 5,868 tỷ năm 2007) lãi vay Ngân hàng so với năm 2006.

Các chính sách đối với người lao động

Đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động toàn Công ty là 1.823.848 đồng/người/tháng, tăng 25,72% so với năm 2006.

Công ty đã không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, ngoài buổi cơm trưa và cơm chiều tăng ca theo qui định, Công ty còn tổ chức thêm buổi ăn sáng cho toàn thể công nhân với đủ và vượt lượng calo cần thiết.

Công ty cũng đã liên kết với người dân địa phương để xây dựng các khu nhà trọ đạt tiêu chuẩn cần thiết cho cuộc sống. Công ty có những chính sách ưu đãi cho công nhân gắn bó lâu dài với Công ty bằng cách hỗ trợ 100% tiền thuê nhà trọ. Đến cuối năm 2007, Công ty đã hỗ trợ đầu tư tăng thêm 78 phòng, nâng lên tổng số 171 phòng trọ, đủ đáp ứng chỗ ở cho 855 công nhân.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, và các khoản phụ cấp khác cho người lao động. Đảm bảo khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB-CNV, đối với công nhân các khâu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm.

Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ khen thưởng Bàn tay vàng hàng tháng đối với các công nhân xuất sắc có năng suất cao, định mức chế biến tốt,... nhằm khuyến khích và khen thưởng kịp thời người lao động.

Ngoài các hoạt động chăm lo đời sống vật chất cho người lao động, Công ty còn chú trọng đến đời sống tinh thần của người lao động. Công ty thường xuyên tổ

chức các buổi sinh hoạt văn nghệ tập thể, thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí vào các dịp Lễ lớn của đất nước, tổ chức đi tham quan du lịch dành cho các đối tượng có thành tích xuất sắc trong lao động và gắn bó với Công ty.

Công ty còn lập tủ sách thanh niên và đặt báo thường xuyên hàng ngày phân phối đến các khu nhà trọ, đảm bảo nhu cầu văn hóa, thông tin cho công nhân.

Khu nhà trọ công nhân của Công ty được Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố (HEPZA) chọn làm khu điển hình trong việc giải quyết chỗ ở cho người lao động. Công ty đã đầu tư 2.733,90 m² đất nằm sát bên ngoài Khu Công nghiệp để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà lưu trú cho hơn 1.000 chỗ ở của Công nhân, nhà trẻ, các cửa hàng nhu yếu phẩm phục vụ cho Công nhân, tạo điều kiện thuận lợi ổn định cuộc sống và gắn bó lâu dài với Cty. Dự án đang trong quá trình triển khai các thủ tục cần thiết để tiến hành xây dựng trong quý 4/2008.

III.3 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch qua các năm và kết quả thực hiện năm 2007;

Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty qua các năm;

Căn cứ vào năng lực thực tế của Công ty và bối cảnh thị trường trên thế giới hiện nay và dự đoán trong tương lai;

Công ty xây dựng kế hoạch SXKD trong năm 2008 như sau:

Kế hoạch sản lượng sản xuất

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2008	
	Sản lượng	Doanh thu
1/ XUẤT KHẨU	6.600 tấn	529 tỷ
Nhóm Tôm	2.498 tấn	293 tỷ
Nhóm Cá	3.744 tấn	206 tỷ
Nhóm Thủy sản khác	240 tấn	16 tỷ
Nhóm TPCB	120 tấn	14 tỷ
2/ NỘI ĐỊA	120 tấn	6 tỷ
TỔNG CỘNG	6.780 tấn	535 tỷ

Nhu cầu Nguyên vật liệu – vật tư cho sản xuất

Nhóm Nguyên liệu - vật tư	Nhu cầu trong năm 2008
Tỷ giá VNĐ/USD	16.050
1/ Nguyên liệu chính	13.368 tấn

Nhóm Tôm	4.118 tấn
Nhóm Cá	8.476 tấn
Nhóm Thủy sản khác	540 tấn
Nhóm TPCB	234 tấn
2/ Trị giá nguyên liệu chính	354,4 tỷ
Nhóm Tôm	202 tỷ
Nhóm Cá	133 tỷ
Nhóm Thủy sản khác	11 tỷ
Nhóm vật liệu phụ	8,4 tỷ
3/ Trị giá nguyên vật liệu phụ	23,8 tỷ
Bột	1,2 tỷ
Phụ gia	3,0 tỷ
Hóa chất	0,50 tỷ
Bao bì đóng gói	13,6 tỷ
Nhiên liệu, điện	5,5 tỷ

Các chỉ tiêu khác

Nhu cầu lao động	1.134 người
Trong đó : Trực tiếp	998 người
Gián tiếp	136 người
Tổng quỹ lương	29,484 tỷ
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	2.000.000 đ
Năng suất lao động bình quân (kg/người/ngày)	25 kg thành phẩm
Nhu cầu vốn lưu động	120,00 tỷ
Lợi nhuận trước thuế	33 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	33 tỷ
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	Khoảng 24,00%

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện như sau:

IV.1 Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		199,709,482,686	133,130,150,060
<i>I. Tiền</i>	<i>110</i>		<i>23,659,707,895</i>	<i>5,838,342,702</i>
1. Tiền	111	V.01	23,659,707,895	5,838,342,702
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>485,761,600</i>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		601,438,592	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(115,676,992)	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.03</i>	<i>73,832,881,779</i>	<i>37,271,378,620</i>
1. Phải thu khách hàng	131		60,433,815,385	29,663,543,826
2. Trả trước cho người bán	132		11,860,375,577	5,219,928,499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138		2,677,173,084	2,856,830,692
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,138,482,267)	(468,924,397)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.04</i>	<i>95,856,489,428</i>	<i>86,473,149,777</i>
1. Hàng tồn kho	141		98,885,343,917	86,473,149,777
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,028,854,489)	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>5,874,641,984</i>	<i>3,547,278,961</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,775,031,766	3,131,213,028
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.05	1,089,319,311	171,801,498
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1,010,290,907	244,264,435
B. Tài sản dài hạn	200		136,535,852,620	125,931,942,847
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>			
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>71,931,739,476</i>	<i>74,734,673,185</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	55,085,559,881	50,820,712,554
- Nguyên giá	222		76,304,731,938	67,656,171,763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21,219,172,057)	(16,835,459,209)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.08		

			9,668,939,623	10,987,383,614
- Nguyên giá	225		16,470,216,407	16,470,216,407
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6,801,276,784)	(5,482,832,793)
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	4,284,690,003	4,570,336,000
- Nguyên giá	228		5,712,920,000	5,712,920,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,428,229,997)	(1,142,584,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2,892,549,969	8,356,241,017
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	51,121,475,984	39,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		8,521,475,984	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		42,600,000,000	39,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229			
V. Tài sản dài hạn khác	260		13,482,637,160	11,597,269,662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	13,482,637,160	11,597,269,662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		336,245,335,306	259,062,092,907

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		191,259,073,901	135,213,615,416
I. Nợ ngắn hạn	310		186,139,750,567	127,189,624,616
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	76,762,420,769	62,460,945,486
2. Phải trả cho người bán	312	V.14	47,437,307,653	51,590,102,147
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	958,626,334	667,490,629
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	33,719,870	13,769,570
5. Phải trả công nhân viên	315	V.16	2,078,956,265	2,036,933,391
6. Chi phí phải trả	316			10,689,298
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	58,868,719,676	10,409,694,095
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		5,119,323,334	8,023,990,800
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn khác	333			
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	5,119,323,334	8,023,990,800
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.19	144,986,261,405	123,848,477,491
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		142,879,359,055	123,848,477,491
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		118,000,000,000	118,000,000,000

2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4,016,097,000	4,016,097,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414		
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	3,182,397,168	10,897,168
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	3,237,281,300	65,281,300
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420	14,443,583,587	1,756,202,023
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	420	2,106,902,350	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	2,106,902,350	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430	336,245,335,306	259,062,092,907

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ: - USD	366,927.90	
- EUR	301.33	
- JPY	6,989,518	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

IV.2 Báo cáo kết quả kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1 Doanh thu bán hàng	1		326,127,777,104	283,304,651,862
2 Các khoản giảm trừ	3			151,170,930
3 Doanh thu thuần	10	VI.20	326,127,777,104	283,153,480,932
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21	271,649,441,253	241,544,867,020
5 Lợi nhuận gộp	20		54,478,335,851	41,608,613,912
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	3,697,629,881	58,437,733
7 Chi phí tài chính	22	VI.23	8,977,868,640	11,516,732,435
- Trong đó: lãi vay	23		5,867,793,160	11,066,461,077
8 Chi phí bán hàng	24		16,351,590,256	10,216,387,751
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11,887,279,609	8,322,692,083
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		20,959,227,227	11,611,239,376
11 Thu nhập khác	31	VI.25	186,154,337	1,991,377,579
12 Chi phí khác	32			2,356,010,168
13 Lợi nhuận khác / (lỗ) (31-32)	40		186,154,337	(364,632,589)
14 Tổng lợi nhuận trước thuế (30+40)	50		21,145,381,564	11,246,606,787
15 Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.26		-
16 Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52			-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21,145,381,564	11,246,606,787
18 Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	70.00	VI.27	1,792	1,786

IV.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	21,145,381,564	11,246,606,787
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	2	5,987,802,836	5,915,712,137
Các khoản dự phòng	3	3,814,089,351	5,475,299
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	726,001,835	
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(410,574,092)	
Chi phí lãi vay	6	5,867,793,160	11,066,461,077
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	37,130,494,654	28,234,255,300
(Tăng) /giảm các khoản phải thu	9	(39,207,522,731)	(14,837,846,287)
(Tăng) /giảm hàng tồn kho	10	(12,412,194,140)	(26,545,322,814)
Tăng /(giảm) các khoản phải trả	11	44,540,916,755	9,407,556,325
(Tăng) /giảm chi phí trả trước	12	(1,885,367,498)	278,513,147
Tiền lãi vay đã trả	13	(5,878,482,458)	(11,055,771,779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7,597,650)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22,280,246,932	(14,518,616,108)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3,309,129,175)	(89,155,291)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12,122,914,576)	(24,484,775,900)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	410,574,092	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15,021,469,659)	(24,573,931,191)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		53,684,750,000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	328,850,671,613	249,127,803,171
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(317,732,326,141)	(262,798,316,749)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(610,548,421)	(2,400,000,000)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10,507,797,051	37,614,236,422
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		

		17,766,574,324	(1,478,310,877)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,838,342,702	7,316,653,579
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	54,790,869	
Tiền tồn cuối kỳ	70	23,659,707,895	5,838,342,702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP. HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 16/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Tổng vốn cổ phần đăng ký của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

368.000.000.000 đồng

Tổng số vốn góp thực tế đến 31/12/2007:

118.000.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Tổng số công nhân viên Công ty: 776.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;

- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng nguyên vật liệu và thành phẩm được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 3.028.854.489 đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 15 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm

6. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

7. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí công cụ dụng cụ và lãi vay xây dựng cơ bản: Phân bổ đến năm 2008
- Chi phí trả trước tiền thuê đất: Phân bổ đến tháng 9/2049.

8. Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên và dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

12. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

13. Thuế

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty được hưởng các ưu đãi như sau:

- Được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm tài chính 2007, là năm thứ ba Công ty có phát sinh lợi nhuận.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

14. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

V.1 Kiểm toán độc lập

Số: 10/BCKT

I. BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày (từ trang 04 đến trang 25). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2007 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

(đã ký)

Nguyễn Lương Nhân

Chứng chỉ KTV số: 0182/KTV
Đ.0111/KTV

Giám đốc

(đã ký)

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số:

V.2 Kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ đã kiểm tra tính tuân thủ trong quá trình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo hàng quý, năm 2007.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

VI.1 Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Không.

VI.2 Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không.

VI.3 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Công ty đang góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ SAGA (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102026011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2004).

VI.4 Tóm tắt về hoạt động và tài chính của các công ty liên quan

Tính đến thời điểm 30/9/2006, vốn góp thực tế vào SAGA của Công ty là 39.600.000.000 đồng, trong đó có 36.600.000.000 đồng dưới dạng hiện vật (là một phần nhà số 32 đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp. HCM có được do chuyển nhượng phần góp vốn với đối tác đầu tư), 3.000.000.000 đồng còn lại là hiện kim, chiếm 44,69% tổng vốn của SAGA.

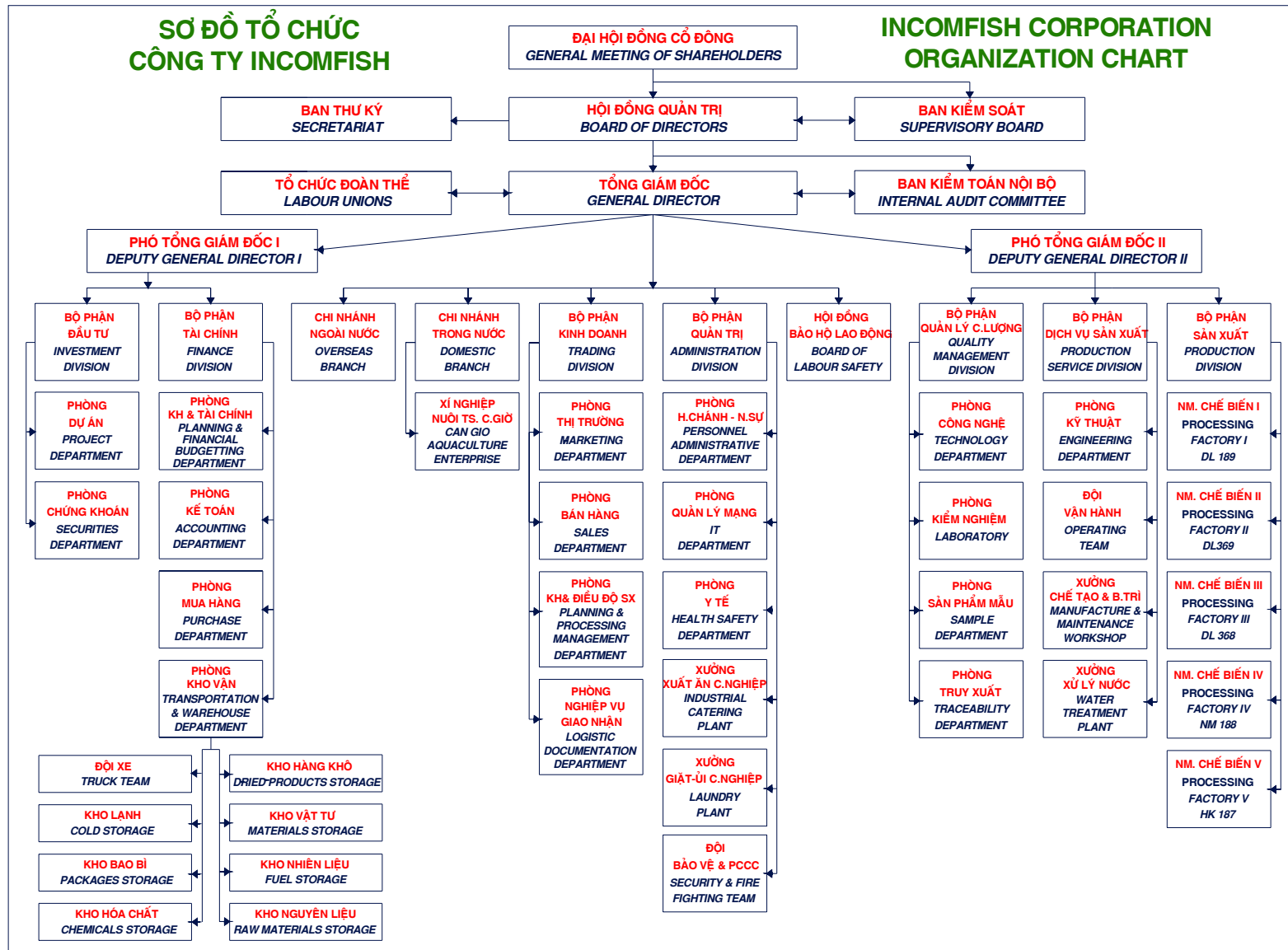
Việc góp vốn này để tham gia thực hiện Dự án xây dựng khu cao ốc văn phòng cho thuê. Hiện đang chờ phê duyệt của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình góp vốn của Công ty vào SAGA qua các năm như sau:

Năm	<i>Đvt: triệu đồng</i>		
	2004	2005	2006
Vốn thực góp	15.000	15.115	39.600
+ <i>Hiện vật</i>			36.600
+ <i>Hiện kim</i>			3.000

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VII.1. Sơ đồ tổ chức Công ty



Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2007 là 776 người. Trong đó :

- +Thạc sĩ : 1 người
- + Đại học : 25 người
- + Cao đẳng và trung cấp : 50 người

Cổ cấu phân bố lao động :

- + Trực tiếp : 674
- + Gián tiếp : 102

VII.2 Danh sách HĐQT , Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

VII.2.1 Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên: 6 người, trong đó: + Thành viên bên trong: 4 người
+ Thành viên bên ngoài: 2 người

1. Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/6/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 16 bis Trần Cao Vân, Phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653145, (08) 7653137
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1991: Trưởng ban Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) Xí nghiệp Đông lạnh Việt Long – Sở Thủy sản Tp. HCM
 - Từ 1991 – 1999: Giám đốc Trung tâm Đầu tư & XNK – Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn
 - Từ 1999 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 2.348.522 cổ phần (19.90%)
 - Những người liên quan:

- Ông Nguyễn Phát Quang (chồng): 540.000 cổ phần
- Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu (em): 970.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Nguyễn Phát Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/6/1952
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 8235665
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1975 – 1981: Cán bộ Bộ Nông nghiệp
 - Từ 1981 – 1991: Cán bộ Bộ Thủy sản
 - Từ 1991 – 2008: Chuyên viên Kinh tế CQ.TƯĐ TNCS HCM
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty SAGA
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 540.000 cổ phần (4.57%)
 - Những người liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (vợ): 2.348.522 cổ phần
 - Ông Nguyễn Phát Quang Vinh (em): 62.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Trịnh Bá Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/8/1960
- Nơi sinh: Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Trường Bình, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: 4A1-6 Sky Garden 2, Đô thị Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653144/45
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý xí nghiệp Công Nghiệp, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/1983 – 4/1986: Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Khai thác và chế biến Thủy sản Đà Nẵng
 - Từ 4/1986 – 7/1987: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Đông lạnh số 14 – Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (Công ty Khai thác và Chế biến Thủy sản Đà Nẵng sáp nhập vào Đông lạnh số 14)
 - Từ 7/1987 – 5/1998: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh 32 Đà Nẵng (tách ra từ Đông lạnh số 14)
 - Từ 5/1998 – 9/2001: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (tiền thân là XN Đông lạnh 32 Đà Nẵng)
 - Từ 10/2001 – 6/2002: Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy chế biến Thủy sản thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish), đặt tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. HCM
 - Từ 6/2002 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 277.200 cổ phần (2.35%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Nguyễn Thị Kim Thu – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/4/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 19 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653142
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1984 – 11/1994: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - Từ 12/1994 – 9/2002: Kế toán trưởng Ban QLDA VIE – 1273 (SF) / Công ty Cấp nước Tp. HCM
 - Từ 10/2002 – 8/2003: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
 - Từ 9/2003 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 970.000 cổ phần (8.22%)
 - Những người có liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (chị): 2.348.522 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Cao Thanh Định – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/4/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 80/73/25 Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Tài chính - Ngân hàng ,Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1995 - 2000: Giám đốc tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank
 - 2001 - 2002: Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng United Overseas Bank
 - 2002 - 2003: Trưởng phòng kinh doanh Công ty BHNT Bảo Minh - CMG
 - 2003 đến nay: Trưởng khối Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng khối Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (0.17%)
 - Những người có liên quan:
 - Bà Dương Thùy Hương (vợ): 25.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Erik J.F.Smeys – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1964
- Nơi sinh: Louvain, Bỉ
- Quốc tịch: Bỉ
- Dân tộc: Bỉ
- Quê quán: Bỉ
- Địa chỉ thường trú: Oude Aarschotseweg 8, 3012 Wilsele, Bỉ
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +32 497 59 07 30
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 7/1988 – 10/1988: Thực tập sinh tại Công ty Luật Fisher Porter & Kent – Long Beach California – Luật vận chuyển quốc tế
 - Từ 7/1989 – 02/1992: Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty Thực phẩm Campbell ở Orpington, Anh quốc. Nhiệm vụ chính:
 - Lập kế hoạch chiến lược 5 năm, thực hiện các kế hoạch ngân sách cho Công ty, kiểm soát và báo cáo tiến độ thực hiện
 - Từ 02/1993 – 5/1995: Chuyên viên tài chính và chiến lược của Công ty REDASCO. Nhiệm vụ chính:
 - Xác định và phân tích các cơ hội hợp tác kinh doanh
 - Điều hành các hoạt động kinh doanh của các chi nhánh của Công ty
 - Tư vấn chiến lược cho Hội Đồng Quản Trị
 - Tư vấn chiến lược M&A cho nhiều khách hàng khác nhau trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau
 - Từ 6/1995 – 11/2000: Giám đốc điều hành Công ty chế biến và phân phối thực phẩm Made in Sea với các chi nhánh tại Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp. Nhiệm vụ chính:
 - Giám sát hoạt động hàng ngày của 2 nhà máy tại Bỉ và Đức và 3 văn phòng chi nhánh kinh doanh tại Pháp, Tây Ban Nha và Mỹ

- Cải tiến phương pháp quản lý các chuỗi kinh doanh hướng tới mục đích tạo ra giá trị cộng thêm cho công ty và các đối tác kinh doanh
 - Bán hàng và tiếp thị: Quản lý phát triển kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của Công ty, quản lý các khách hàng lớn của Công ty ở Châu Âu, Trung Đông và Mỹ
 - Quản lý kênh cung cấp: Mua hàng ở Châu Âu, Viễn Đông (Việt Nam, Trung Quốc, Indonexia, Thái Lan, Bangladesh) và Châu Mỹ La tinh, giám sát hệ thống giao nhận và các hoạt động nhập khẩu.
 - Từ 02/2001 đến nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ. Nhiệm vụ chính: Tư vấn các chiến lược kinh doanh và phân tích vốn đầu tư
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ
 - Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 123.800 cổ phần (1.05%)
 - Những người liên quan: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

VII.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/5/1957
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 147 Trần Hữu Trang, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653144/45
- Trình độ văn hóa: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:
 - Từ 1977 – 1981: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Đồng Khởi – Sở Công nghiệp Tp. HCM
 - Từ 1981 – 1985: Kế toán tổng hợp Công ty RAMEICO
 - Từ 1985 – 1991: Kế toán tổng hợp Công ty COSEVINA
 - Từ 1991 – 1999: Kế toán trưởng Trung tâm Đầu tư & XNK

- Từ 1999 – 2003: Phó giám đốc tài chính Công ty Incomfish
- Từ 2003 đến nay: Thành viên ban kiểm toán nội bộ Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 16.180 cổ phần (0.14%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2. Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC LINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1976
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 50/6 Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 8 218 666 Ext: 166
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Kinh tế .
 - Thạc sỹ Tài chính công - Fulbright – ĐH Havard
- Quá trình công tác:
 - Từ 1998 – 2003: Kế toán trưởng – Công ty FINTEC
 - Từ 2004 – nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
 - Từ 04/2007 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3. Nguyễn Thị Hạnh Phúc – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1957
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: P59-C9 Kim Liên, Q.Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 5147140/09033814290
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Tài chính ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - Từ 1978 – 1987: Giáo viên trường PTCS Huỳnh Thúc Kháng, Hải Phòng
 - 1987 – 1988: Kế toán Cty Giao nhận ngoại thương, Bộ ngoại thương
 - 1988-1992: Kế toán Công ty ESACO, Tp. Hồ Chí Minh
 - 1993 -1997: Cán bộ kinh doanh Cty Hạ Long, Bộ quốc phòng
 - 1997 đến nay: Giám đốc Cty TNHH Maika
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 0 cổ phần (0.00%)
- Những người liên quan:
 1. Ông Phạm Quang Đông (con): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

VII.2.3 Thành viên Ban Tổng giám đốc

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm 3 thành viên :

1. Trịnh Bá Hoàng - Tổng giám đốc

Xem chi tiết phần HĐQT.

2. Nguyễn Thị Kim Thu - Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính

Xem chi tiết phần HĐQT

3. Hoàng Hải Phương – Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1956

- Nơi sinh: Xã Đại Thắng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đại Thắng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 31 Phan Thanh, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08)7653144/145
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1982 – 1983: Cán bộ Ban giáo dục chuyên nghiệp Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng
 - Từ 1983 – 05/1990: Trưởng phòng kế hoạch vật tư Nhà máy dệt 29/3 Đà Nẵng
 - Từ 06/1990 – 1993: Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp chế biến thủy đặc sản số 10 – Đà Nẵng
 - Từ 1993 - 4/1996: Trưởng phòng kinh doanh Công ty kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đà Nẵng
 - Từ 4/1996 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy đặc sản số 10 - Đà Nẵng
 - Từ 9/2006 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 60.000 cổ phần (0.51%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

VII.2.4 Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU THỦY
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/05/1968
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khu phố 5, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 407/26/42 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp,

Tp. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7 653 139
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 – 2006: Kế toán tổng hợp – Công ty XNK Tổng hợp Sài Gòn
 - Từ 01/2007 – nay: Kế toán trưởng – Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản INCOMFISH
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 5.000 cổ phần (0.04%)
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VIII.1 Tổng quan về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

* Số lượng thành viên HĐQT: 06 người,

trong đó: + Thành viên bên trong: 04 người
+ Thành viên bên ngoài: 02 người

1/. Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
2/. Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
3/. Trịnh Bá Hoàng	Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
4/. Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
5/. Cao Thanh Định	Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010
6/. Erik Smeys	Thành viên	Nhiệm kỳ 2006 – 2010

* Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người,

trong đó: + Thành viên bên trong: 01 người
+ Thành viên bên ngoài: 02 người

* Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong số thành viên của HĐQT có 2 thành viên bên ngoài không tham gia điều hành Công ty:

1/ Ông Cao Thanh Định

Hiện là trưởng khối đầu tư dịch vụ tài chính của Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ... và được phân công phụ trách về 2 lĩnh vực này cho HĐQT.

2/ Ông Erik Smey

Hiện đang sống tại Bỉ. Với thuận lợi là người bản xứ, Ông Erik có nhiều kinh nghiệm về thị trường và yêu cầu đòi hỏi của người tiêu dùng châu Âu, Hoa Kỳ, ... Ông đã hỗ trợ Công ty về mặt khai thác thị trường và chăm sóc khách hàng.

*** Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty và tính trung thực của các Báo cáo tài chính hàng quý, năm 2007.

*** Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**

Thường xuyên cập nhật các kiến thức quản trị doanh nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc quản trị Công ty. Cử cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung tham gia các khóa đào tạo quản lý doanh nghiệp; quản lý chuyên ngành; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

*** Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

Đến hết niên khóa tài chính 2007, ngoài tiền lương của các thành viên trực tiếp điều hành, Công ty chưa chi thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

*** Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty**

- Nguyễn Thị Kim Xuân
- Nguyễn Phát Quang
- Trịnh Bá Hoàng
- Nguyễn Thị Kim Thu
- Nguyễn Thị Ngọc Thảo

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT**

Không thay đổi tính đến thời điểm 31/12/2007.

*** Cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên**

Không thay đổi tính đến thời điểm 31/12/2007.

VIII.2 Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xem trang 40)

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG (theo danh sách TTLK cung cấp ngày đăng ký cuối cùng: 25/03/2008)

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	11,614,340	116,143,400,000	98.43%	185,660	1,856,600,000	1.57%	11,800,000	118,000,000,000	100.00%
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0.00%	0	0	0.00%	0	0	0.00%
2. Cổ đông đặc biệt	5,316,602	53,166,020,000	45.06%	123,800	1,238,000,000	1.05%	5,440,402	54,404,020,000	46.11%
- Hội đồng quản trị	4,269,022	42,690,220,000	36.18%	123,800	1,238,000,000	1.05%	4,392,822	43,928,220,000	37.23%
- Ban giám đốc	1,030,000	10,300,000,000	8.73%	0	0	0.00%	1,030,000	10,300,000,000	8.73%
- Ban kiểm soát	12,580	125,800,000	0.11%	0	0	0.00%	12,580	125,800,000	0.11%
- Kế toán trưởng	5,000	50,000,000	0.04%	0	0	0.00%	5,000	50,000,000	0.04%
3. Cổ đông trong công ty	1,561,640	15,616,400,000	13.23%	2,110	21,100,000	0.02%	1,563,750	15,637,500,000	13.25%
- Cán bộ công nhân viên	1,561,640	15,616,400,000	13.26%	2,110	21,100,000	0.02%	1,563,750	15,637,500,000	13.25%
4. Cổ đông ngoài công ty	4,736,098	47,360,980,000	40.14%	59,750	597,500,000	0.50%	5,697,808	56,978,080,000	40.64%
- Cá nhân	3,767,630	37,676,300,000	31.93%	59,750	597,500,000	0.50%	3,827,380	38,273,800,000	32.43%
- Tổ chức	968,468	9,684,680,000	8.21%	0	0	0%	968,468	9,684,680,000	8.21%
II. Cổ phiếu quỹ	0	0	0.00%	0	0	0.00%	0	0	0.00%

CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	11,614,340	116,143,400,000	98.43%	185,660	1,856,600,000	1.57%	11,800,000	118,000,000,000	100.00%
Cổ đông sáng lập	3,332,102	33,321,020,000	28.24%	0	0	0.00%	3,332,102	33,321,020,000	28.24%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5,722,222	57,222,220,000	48.49%	0	0	0.00%	5,722,222	57,222,220,000	48.49%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2,560,016	25,600,160,000	21.70%	185,660	1,856,600,000	1.57%	2,745,676	27,456,760,000	23.27%

